

SỞ GD&ĐT THÁI NGUYÊN
ĐỀ THI THAM KHẢO
LẦN 1

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng nước ta là

- A. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. B. khai hoang mở rộng diện tích.
 C. cải tạo đất bạc màu, đất mặn. D. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 2: Tính chất của gió mùa mùa hạ ở nước ta là

- A. nóng, khô. B. nóng, ẩm. C. lạnh, ẩm. D. lạnh, khô.

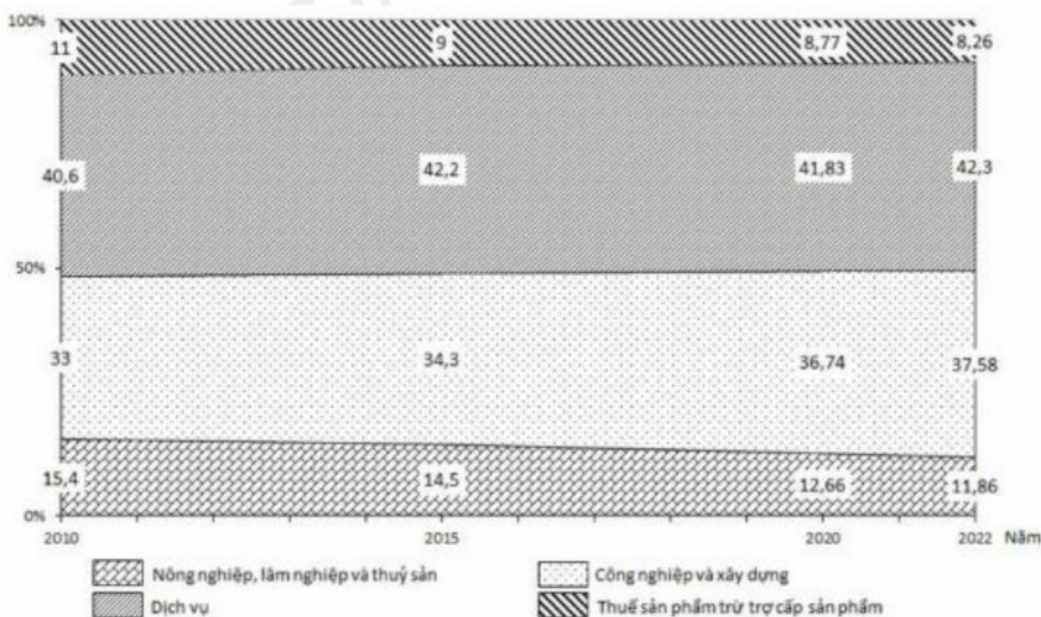
Câu 3: Nhận định nào sau đây **không** đúng về hoạt động nội thương của nước ta?

- A. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng nhanh. B. Thương mại điện tử phát triển mạnh.
 C. Khác nhau giữa các vùng và khu vực. D. Chủ yếu là trung tâm thương mại lớn.

Câu 4: Đô thị ở nước ta hiện nay

- A. có cơ sở hạ tầng rất hoàn thiện. B. có khả năng thu hút vốn đầu tư.
 C. có tỉ lệ thiếu việc làm rất cao. D. tập trung đa số dân cư cả nước.

Câu 5: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế ở nước ta giai đoạn 2010 – 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỉ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tăng.
 B. Tỉ trọng dịch vụ luôn cao và tăng liên tục.
 C. Tỉ trọng công nghiệp và xây dựng giảm liên tục.
 D. Tỉ trọng ngành dịch vụ luôn chiếm cao nhất.

Câu 6: Thế mạnh để phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm ở nước ta là

- A. nguồn nước ngầm dồi dào.
- B. giàu khoáng sản quý hiếm.
- C. nguồn nguyên liệu phong phú.
- D. năng lượng điện dồi dào.

Câu 7: Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp ở nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng

- A. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt.
- B. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt.
- C. giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.
- D. giảm tỉ trọng ngành thủy sản.

Câu 8: Dân số nước ta hiện nay

- A. có nhiều thành phần dân tộc khác nhau.
- B. chỉ phân bố ở vùng đồng bằng, ven biển.
- C. quy mô lớn nhất khu vực Đông Nam Á.
- D. ở nông thôn có số lượng ít hơn thành thị.

Câu 9: Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
- B. cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
- C. nhiệt đới ẩm gió mùa nóng quanh năm.
- D. cận xích đạo gió mùa với 2 mùa mưa khô.

Câu 10: Giải pháp chủ yếu trong phát triển nông nghiệp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta hiện nay là

- A. đẩy mạnh cơ giới hoá trong quá trình sản xuất.
- B. hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn.
- C. đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến.
- D. phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn.

Câu 11: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. sản xuất hàng hóa phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.
- B. đa dạng hóa sản xuất, hình thành các ngành mũi nhọn.
- C. tăng cường quản lý của nhà nước, mở rộng thị trường.
- D. khai thác hiệu quả các thế mạnh, tăng nguồn thu ngoại tệ.

Câu 12: Loại đất nào sau đây chiếm ưu thế ở đai ôn đới gió mùa trên núi?

- A. Đất mùn thô.
- B. Đất feralit.
- C. Đất phù sa.
- D. Đất phèn.

Câu 13: Loại hình vận tải chủ yếu phục vụ hiệu quả cho ngành khai thác, chế biến và phân phối dầu khí ở nước ta là

- A. đường sắt.
- B. đường ống.
- C. đường sông.
- D. đường biển.

Câu 14: Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía bên trong đường cơ sở là vùng

- A. lãnh hải.
- B. nội thủy.
- C. thềm lục địa.
- D. tiếp giáp lãnh hải.

Câu 15: Cây trồng nào sau đây thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm ở nước ta?

- A. Đậu tương.
- B. Cà phê.
- C. Dâu tằm.
- D. Sầu riêng.

Câu 16: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta tương đối đa dạng?

- A. Nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất.
- B. Trình độ người lao động ngày càng nâng cao.
- C. Nguồn nguyên nhiên liệu phong phú đa dạng.
- D. Sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp sâu rộng.

Câu 17: Lao động của nước ta hiện nay

- A. đều đã qua đào tạo. B. phân bố khá đồng đều.
C. đều có trình độ cao. D. làm việc ở nhiều ngành.

Câu 18: Dân cư nông thôn nước ta hiện nay

- A. chủ yếu làm việc trong công nghiệp. B. tỉ trọng giảm trong cơ cấu dân số.
C. có cơ cấu sinh học luôn ổn định. D. tỉ lệ thiếu việc làm ở mức rất thấp.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới, với các mặt hàng như gạo, cà phê, cao su, thủy sản,... Sự phát triển của ngành nông nghiệp không chỉ đảm bảo an ninh lương thực cho đất nước mà còn đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm cho hàng triệu người dân.

- a) Nước ta có tiềm năng lớn về sản xuất nông nghiệp nhờ có điều kiện tự nhiên đa dạng và nguồn lao động dồi dào.
b) Sản xuất nông nghiệp nước ta chủ yếu dựa vào phương pháp canh tác truyền thống, lạc hậu.
c) Nông nghiệp nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an ninh lương thực.
d) Chất lượng nông sản Việt Nam đã hoàn toàn đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường quốc tế.

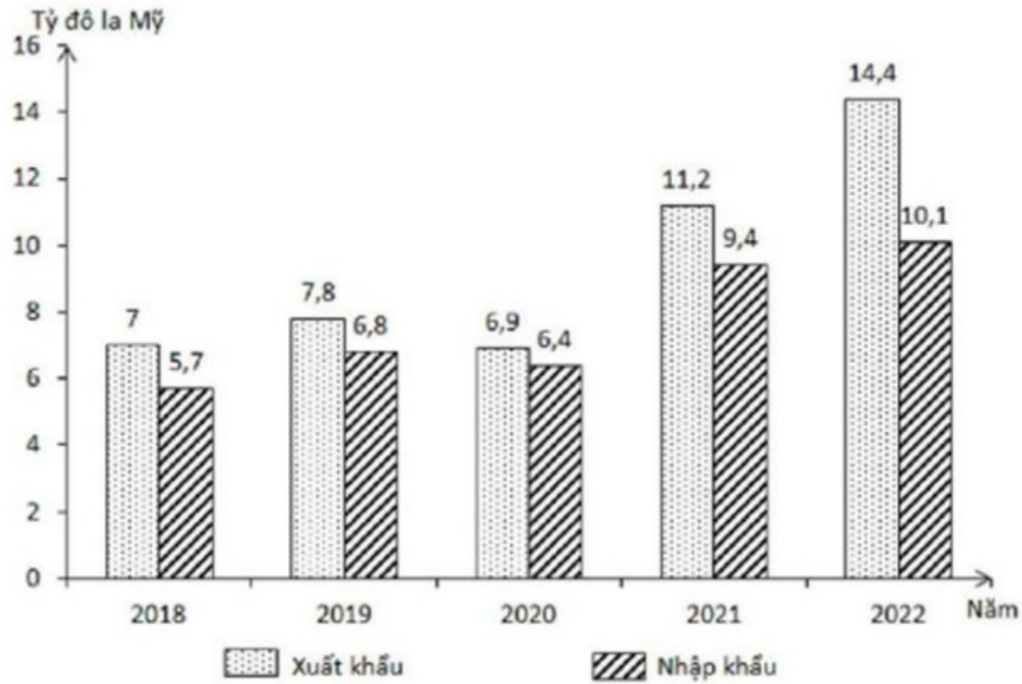
Câu 2: Cho thông tin sau:

Ngành công nghiệp nước ta phân bố rộng rãi khắp cả nước. Sự phân bố của các ngành công nghiệp có sự khác nhau do tác động bởi nhiều yếu tố như đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, vị trí địa lý, tài nguyên, thị trường, cơ sở hạ tầng, đầu tư nước ngoài.

- a) Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm có mặt ở hầu hết các tỉnh thành trên cả nước, đặc biệt phát triển ở các vùng nông nghiệp trọng điểm.
b) Công nghiệp dệt may và giày dép tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn và khu vực có nguồn lao động dồi dào.
c) Công nghiệp khai thác khoáng sản chỉ tập trung ở vùng núi phía Bắc do có nhiều tài nguyên khoáng sản nhất.
d) Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính chỉ phát triển ở các thành phố trực thuộc trung ương do yêu cầu cao về lao động và cần vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 3: Cho biểu đồ:

Biểu đồ giá trị xuất khẩu, nhập hàng hóa và dịch vụ của Bru-nây giai đoạn 2048 – 2022



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê 2024)

- Từ năm 2018 đến năm 2022, có cán cân thương mại xuất siêu.
- Năm 2019, Bru-nây có giá trị cán cân thương mại nhỏ nhất.
- Năm 2022 so với năm 2018, xuất khẩu tăng nhiều hơn nhập khẩu.
- Năm 2022 so với năm 2018, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là đặc điểm nổi bật của thiên nhiên nước ta. Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa rất đa dạng trong không gian. Ở mỗi vùng lãnh thổ nước ta, biểu hiện của phân hóa thiên nhiên đượ thể hiện khác nhau qua các thành phần tự nhiên.

- Khí hậu nước ta có sự phân hóa Bắc - Nam, Đông - Tây và độ cao địa hình.
- Phân lãnh thổ phía Nam có hệ sinh thái tiêu biểu là rừng nhiệt đới gió mùa.
- Rừng cận nhiệt đới lá rộng, rừng lá kim, động vật tiêu biểu là các loài thú có lông dày là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở độ cao dưới 1700 m.
- Tác động của gió mùa kết hợp với địa hình làm thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo chiều từ Đông sang Tây.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Láng (Hà Nội)

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,2	20,7	22,7	25,5	29,5	30,4	31,5	29,8	29,1	27,8	24,4	19,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ trung bình năm 2023 tại trạm quan trắc Láng (Hà Nội) là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Năm 2023, diện tích lúa của nước ta là 7,12 triệu ha, sản lượng lúa là 43,5 triệu tấn. Hãy cho biết năng suất lúa của nước ta là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Năm 2022, tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 732,5 tỉ USD, trong đó trị giá nhập khẩu là 360,6 tỉ USD. Hãy cho biết trị giá xuất khẩu là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Sản lượng điện và cơ cấu sản lượng điện của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

STT	Chỉ tiêu	Năm	2010	2021
1	Sản lượng điện (tỉ kWh)		91,7	244,9
2	Cơ cấu sản lượng điện (%)			
	- Thủy điện		38,0	30,6
	- Nguồn khác		62,0	69,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sản lượng thủy điện năm 2021 cao hơn sản lượng thủy điện năm 2010 bao nhiêu tỉ kWh? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2022, dân số nước ta là 99 467,9 nghìn người, trong đó dân số nam là 49 586,9 nghìn người. Tỷ số giới tính của nước ta là bao nhiêu % ? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân). **Câu 6:** Năm 2022, tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của nước ta là 9 621,4 nghìn tỉ đồng, trong đó giá trị ngành công nghiệp, xây dựng là 3 702,5 nghìn tỉ đồng. Hãy cho biết tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng trong tổng sản phẩm trong nước là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.B	3.D	4.B	5.D	6.C	7.B	8.A	9.A	10.D
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------

11.A	12.A	13.B	14.B	15.B	16.C	17.D	18.B		
------	------	------	------	------	------	------	------	--	--

Câu 1 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển nông nghiệp. **Cách giải:**

Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng nước ta là đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. Ở vùng đồng bằng, diện tích đất nông nghiệp có hạn, vì vậy việc tăng năng suất trên một đơn vị diện tích là rất quan trọng. Thâm canh, tăng vụ giúp tăng số vụ gieo trồng trong năm, tối đa hóa việc sử dụng đất, từ đó tăng tổng sản lượng nông sản.

Chọn A.

Câu 2 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Tính chất của gió mùa mùa hạ ở nước ta là nóng, ẩm.

Lạnh, khô là tính chất của gió mùa mùa đông ở nước ta.

Chọn B.

Câu 3 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại nước ta (phần nội thương).

Cách giải:

Chủ yếu là trung tâm thương mại lớn là nhận định không đúng về hoạt động nội thương của nước ta. Các trung tâm thương mại ở nước ta phần lớn là vừa và nhỏ.

Chọn D.

Câu 4 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa ở nước ta.

Cách giải:

Đô thị ở nước ta hiện nay có khả năng thu hút vốn đầu tư vì đô thị là nơi có cơ sở hạ tầng tốt, nguồn lao động dồi dào, nhiều lao động có chuyên môn kỹ thuật cao.

Chọn B.

Câu 5 (TH):**Phương pháp:**

Xác định tỉ trọng các ngành kinh tế giai đoạn 2010 – 2022 và nhận xét sự tăng/giảm.

Cách giải:

A sai vì tỉ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 15,4% xuống còn 11,86%.

B sai vì tỉ trọng dịch vụ giảm trong giai đoạn 2015 – 2020, giảm từ 42,2% xuống còn 41,83%.

C sai vì tỉ trọng công nghiệp và xây dựng tăng liên tục, từ 33% (năm 2010) lên 37,58% (năm 2022)

D đúng vì tỉ trọng ngành dịch vụ luôn chiếm trên 40%, cao nhất so với các ngành còn lại.

Chọn D.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm.

Cách giải:

Sản xuất, chế biến thực phẩm là ngành được sản xuất từ lâu đời dựa vào nguồn nguyên liệu dồi dào, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

=> Thế mạnh để phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm ở nước ta là nguồn nguyên liệu phong phú.

Chọn C.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: nông nghiệp.

Hiểu bản chất: nông nghiệp gồm trồng trọt và chăn nuôi.

Dựa vào xu hướng phát triển ngành nông nghiệp ở nước ta.

Cách giải:

Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp ở nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng: giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.

Chọn B.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm thành phần dân tộc và phân bố dân cư ở nước ta.

Cách giải:

Dân số nước ta hiện nay có nhiều thành phần dân tộc khác nhau.

B sai vì dân cư nước ta còn phân bố ở các vùng núi.

C sai vì In-đô-nê-xi-a mới là quốc gia có quy mô lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

D sai vì dân cư nước ta tập trung chủ yếu ở nông thôn nên số dân ở nông thôn cao hơn số dân ở thành thị.

Chọn A.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hóa thiên nhiên theo chiều bắc – nam.

Cách giải:

Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh (do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào mùa đông).

Chọn A.

Câu 10 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào hướng phát triển nông nghiệp ở nước ta.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu trong phát triển nông nghiệp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta hiện nay là phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn.

- Nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn là hướng đi bền vững, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.
- Các biện pháp như sử dụng phân bón hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp, tiết kiệm nước, và tái chế chất thải nông nghiệp giúp giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường.
- Nông nghiệp xanh, hữu cơ giúp giảm sự phụ thuộc vào hóa chất độc hại, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và đa dạng sinh học.
- Nông nghiệp tuần hoàn giúp tái sử dụng chất thải nông nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có giá trị gia tăng.

Chọn D.

Câu 11 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành xuất khẩu.

Các điều kiện giúp thúc đẩy ngành xuất khẩu phát triển: nhiều hàng hóa/sản phẩm + thị trường lớn.

Cách giải:

Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do sản xuất hàng hóa phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Sản xuất hàng hóa phát triển:

+ Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa đa dạng, có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc tế.

+ Nhiều ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã phát triển mạnh mẽ, tạo ra các sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng cao.

- Hội nhập quốc tế sâu rộng:

+ Việc tham gia vào các tổ chức kinh tế khu vực, quốc tế và ký kết các hiệp định thương mại tự do đã mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam tiếp cận thị trường quốc tế.

+ Hội nhập quốc tế cũng giúp Việt Nam tiếp cận được các công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu.

Chọn A.

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao.

Cách giải:

Đất mùn thô là loại đất chiếm ưu thế ở đai ôn đới gió mùa trên núi.

Chọn A.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: dầu khí

Dựa vào đặc điểm nổi bật của các loại hình vận tải.

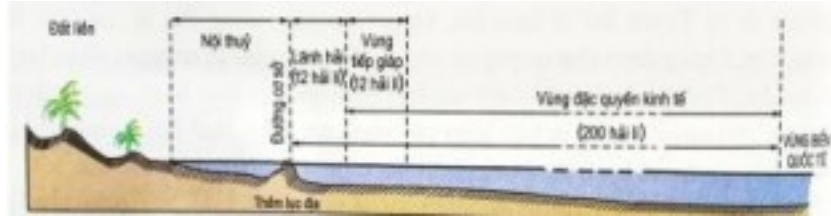
Cách giải:

Loại hình vận tải chủ yếu phục vụ hiệu quả cho ngành khai thác, chế biến và phân phối dầu khí ở nước ta là đường ống.

Chọn B.

Câu 14 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào phạm vi lãnh thổ của nước ta hoặc sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển Việt Nam:

**Cách giải:**

Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía bên trong đường cơ sở là vùng nội thủy.

Chọn B.**Câu 15 (NB):****Phương pháp:**

Dựa vào hiện trạng phát triển và phân bố ngành nông nghiệp (phần ngành trồng trọt).

Cách giải:

Cà phê thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm.

Cây đậu tương, dầu tằm thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm.

Cây sầu riêng thuộc nhóm cây ăn quả.

Chọn B.**Câu 16 (TH):****Phương pháp:**

Gạch chân từ khóa: theo ngành.

Dựa vào các yếu tố tác động đến cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta.

Cách giải:

Nguồn nguyên nhiên liệu phong phú đa dạng là nguyên nhân chủ yếu làm cho cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta tương đối đa dạng. Đây chính là đối tượng sản xuất của ngành công nghiệp, tác động trực tiếp tới sự đa dạng cơ cấu công nghiệp theo ngành.

A sai vì các thành phần kinh tế tác động đến cơ cấu công nghiệp theo thành phần.

B sai vì trình độ lao động là yếu tố thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, nhưng không phải là nguyên nhân chính tạo ra sự đa dạng.

D sai vì sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp tác động đến cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ.

Chọn C.**Câu 17 (NB):****Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm lao động ở nước ta.

Cách giải:

Lao động của nước ta hiện nay làm việc ở nhiều ngành.

A, C sai vì phần lớn lao động của nước ta chưa qua đào tạo.

B sai vì lao động phân bố không đều.

Chọn D.**Câu 18 (NB):****Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm về lao động, đô thị hóa ở nước ta.

Cách giải:

Dân cư nông thôn nước ta hiện nay: tỉ trọng giảm trong cơ cấu dân số.

A sai vì lao động nông thôn chủ yếu làm việc trong ngành nông nghiệp.

C sai vì cơ cấu dân số luôn thay đổi theo thời gian.

D sai vì tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn nước ta còn cao.

Chọn B.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐS	ĐĐSS	ĐSĐS	ĐSĐĐ

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và đặc điểm nền nông nghiệp Việt Nam.

Cách giải:

a) Đúng. Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, đất đai phong phú thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, hơn nữa nguồn lao động nông nghiệp lớn.

b) Sai. Mặc dù vẫn còn tồn tại phương pháp canh tác truyền thống, nhưng ngành nông nghiệp Việt Nam đang ngày càng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại.

c) Đúng. “Sự phát triển của ngành nông nghiệp không chỉ đảm bảo an ninh lương thực cho đất nước mà còn đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm cho hàng triệu người dân.”

d) Sai. Mặc dù Việt Nam đã có nhiều tiến bộ, nhưng vẫn còn nhiều thách thức trong việc đáp ứng hoàn toàn các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường quốc tế. Cần tiếp tục nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho nông sản Việt Nam.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và đặc điểm các ngành công nghiệp nước ta.

Cách giải:

a) Đúng. Ngành này gắn liền với nguồn nguyên liệu nông sản, nên phân bố rộng khắp và tập trung ở các vùng nông nghiệp.

b) Đúng. Các ngành này cần nhiều lao động và thường tập trung ở các thành phố lớn hoặc khu vực có nguồn lao động lớn.

c) Sai. Mặc dù vùng núi phía Bắc có nhiều khoáng sản, nhưng khai thác khoáng sản cũng diễn ra ở nhiều vùng khác trên cả nước. Ví dụ: Tây Nguyên phát triển ngành khai thác bô-xít.

d) Sai. Tuy các thành phố lớn có lợi thế, nhưng ngành này cũng phát triển ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, nơi có đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng và lao động.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

a, b) Dựa vào công thức tính: Cán cân xuất nhập khẩu = Giá trị xuất khẩu – Giá trị nhập khẩu. Nếu cán cân xuất nhập khẩu > 0 => cán cân thương mại xuất siêu.

Nếu cán cân xuất nhập khẩu $< 0 \Rightarrow$ cán cân thương mại nhập siêu.

c, d) Tăng nhiều/ít dùng phép trừ; tăng nhanh/chậm dùng phép chia.

Cách giải:

a) Đúng vì giai đoạn 2018 – 2022, giá trị xuất khẩu của Bru-nây luôn cao hơn giá trị nhập khẩu.

b) Sai vì cán cân thương mại của Bru-nây năm 2018; 2019; 2020; 2021; 2022 lần lượt là: 1,3 tỷ đô la Mỹ; 1 tỷ đô la Mỹ; 0,5 tỷ đô la Mỹ; 1,8 tỷ đô la Mỹ; 4,3 tỷ đô la Mỹ.

$\Rightarrow$ Năm 2020, Bru-nây có giá trị cán cân thương mại nhỏ nhất.

c) Đúng. Năm 2022 so với năm 2018, xuất khẩu tăng 7,44 tỷ đô la Mỹ; nhập khẩu tăng 4,4 tỷ đô la Mỹ.

d) Sai. Năm 2022 so với năm 2018, nhập khẩu tăng $10,1/5,7 = 1,77$ lần, xuất khẩu tăng $14,4/7 = 2,1$ lần $\Rightarrow$ nhập khẩu tăng chậm hơn xuất khẩu.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và đặc điểm về sự phân hóa thiên nhiên ở nước ta.

Cách giải:

a) Đúng. Khí hậu Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của vị trí địa lý, địa hình, và gió mùa, tạo nên sự phân hóa rõ rệt.

b) Sai. Miền Nam với khí hậu cận xích đạo gió mùa $\Rightarrow$ hệ sinh thái tiêu biểu là rừng cận xích đạo gió mùa.

c) Đúng. Đại cận nhiệt đới gió mùa trên núi thường ở độ cao từ 600 - 700m đến 2600m.

d) Đúng. Sự kết hợp giữa gió mùa (các loại gió hướng tây nam, gió mùa Đông Bắc) và địa hình (hướng các dãy núi) tạo nên sự khác biệt rõ rệt về khí hậu và cảnh quan từ vùng ven biển vào sâu trong đất liền.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	13,3	61,1	372	40,1	99,4	38,5

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt độ trung bình năm 2023 tại trạm quan trắc Láng (Hà Nội) là: $31,5 - 18,2 = 13,3^\circ\text{C}$

Đáp án: 13,3

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Năng suất lúa của nước ta là: $43,5/7,12 = 6,11$ tấn/ha = 61,1 tạ/ha

Đáp án: 61,1

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tổng trị giá xuất, nhập khẩu = Trị giá xuất khẩu + Trị giá nhập khẩu $\Rightarrow$ Trị giá xuất khẩu = Tổng trị giá xuất, nhập khẩu - Trị giá nhập khẩu

Cách giải:

Trị giá xuất khẩu của nước ta năm 2022 là: $732,5 - 360,6 = 371,9 \approx 372$ tỉ USD

Đáp án: 372

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Giá trị thành phần = $(\text{Tỉ lệ \% Giá trị thành phần} \times \text{Tổng}) / 100$

Cách giải:

Sản lượng thủy điện năm 2021 cao hơn sản lượng thủy điện năm 2010 là: $[(30,6 \times 244,9) / 100] - [(38,0 \times 91,7) / 100] = 40,1$ tỉ kWh

Đáp án: 40,1

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tỉ số giới tính = $(\text{Số dân nam} / \text{Số dân nữ}) \times 100$

Cách giải:

Số dân nữ của nước ta là: $99\,467,9 - 49\,586,9 = 49\,881$

Tỉ số giới tính của nước ta là: $(49\,586,9 / 49\,881) \times 100 = 99,4\%$

Đáp án: 99,4

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tỉ trọng = $(\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) \times 100$

Cách giải:

Tỉ trọng ngành công nghiệp, xây dựng trong tổng sản phẩm trong nước là $(3\,702,5 / 9\,621,4) \times 100 = 38,5\%$

Đáp án: 38,5